

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 162/2022/DS-PT

Ngày 20/12/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự -
Vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phụng
Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự - Vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Long M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu vực 4, phường Thuận A, thị xã Long M, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Văn L (Lê Hoàng L), sinh năm 1987.

2.2. Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp Tân B, xã Long P, thị xã Long M, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Lê Văn L và bà Phan Thị Thu H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Ngọc Đ trình bày: Vào năm 2020, chị có cho anh Lê Văn L (Lê Hoàng L) và bà Phan Thị Thu H vay số tiền thể như sau: Ngày 04/6/2020 (âm lịch) cho bà Phan Thị Thu H và anh Lê Văn L vay số tiền là 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng). Ngày 14/6/2020 (âm lịch)

tiếp tục cho bà H và anh L vay thêm số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Các lần cho vay đều có lập biên nhận nợ, anh L, bà H hứa sẽ trả dần hàng tháng cho chị Đ. Nhưng từ khi cho vay anh L, bà H chỉ trả cho chị Đ được số tiền 33.000.000 đồng trong số tiền vay 158.000.000 đồng. Còn số tiền 30.000.000 đồng thì chưa trả. Chị Đ đã nhiều lần yêu cầu anh L, bà H trả số tiền còn nợ nhưng anh L, bà H cố tình không trả. Nay chị Phạm Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn L và bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đ số tiền còn nợ là 155.000.000 đồng trong thời gian sớm nhất, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Phan Thị Thu H trình bày: Bà không có vay tiền của chị Đ, bà cho rằng số tiền nợ là của Lê Văn L (con bà) còn thiếu chị Đ số tiền vốn 50.000.000 đồng. Do không có tiền trả nên chị Đ cho anh L tham gia hội, loại hội 4.000.000 đồng/tháng, có 40 phần tham gia, chị Đ nói hót đầu đề cho Long trả nợ và kêu bà ký bảo lãnh cho anh L với số tiền 160.000.000 đồng nên bà đã ký biên nhận nợ ngày 04/6/2020 (âm lịch), cùng ngày anh L hỏi mượn thêm của chị Đ số tiền 30.000.000 đồng và hứa trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Nhưng do dịch bệnh phức tạp nên anh L chỉ góp được 1.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Đối với phần tiền hội thì bà đã đóng cho chị Đ được 09 lần với số tiền 36.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã gửi cho chị Đ được số tiền 37.000.000 đồng. Nay chị Đ khởi kiện yêu cầu bà và anh L trả số tiền 155.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Bị đơn anh Lê Văn L trình bày: Anh thừa nhận có vay của chị Đ 03 lần vào ngày 16/10/2019 âm lịch, ngày 02/3/2020 âm lịch, ngày 19/10/2019 âm lịch. Anh có ký tên vào các biên nhận nợ này. Thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/một triệu đồng/ngày. Anh đóng được nhiều lần tiền lãi nhưng không nhớ rõ cụ thể số tiền, khi đóng lãi không có làm giấy tờ gì. Anh đóng lãi trực tiếp cho chị Đ, anh cũng không nhớ đến thời gian nào thì ngưng đóng lãi. Do anh đóng lãi hết nổi nên các bên có thỏa thuận để chị Đ chơi hội dùm để trả nợ. Anh không biết chủ hội là ai, chị Đ chỉ nói hội 4.000.000 đồng/tháng, có 40 người chơi. Anh đã hót hội đầu, anh yêu cầu chị Đ đưa giấy hội nhưng chị Đ không đưa. Sau khi hót hội anh đóng lại được 09 lần hội chết với số tiền 36.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ vay anh đã trả được 27.000.000 đồng tiền gốc của biên nhận nợ ngày 16/10/2019 âm lịch và ngày 02/3/2020 âm lịch, chỉ còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc theo biên nhận nợ ngày 19/10/2019 âm lịch đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án. Đối với biên nhận nợ ngày 04/6/2020 (âm lịch) thể hiện số tiền nợ 158.000.000 đồng anh và bà H có ký tên nhưng thật ra đây là số tiền hót hội để cần trừ nợ trước đó chứ không phải là tiền vay. Đối với biên nhận nợ ngày 14/6/2020 âm lịch anh thừa nhận có mượn 30.000.000 đồng nhưng anh đã trả cho chị Đ được số tiền 37.000.000 đồng, dư 7.000.000 đồng, anh không yêu cầu Diệp trả lại. Nay chị Đ yêu cầu anh và bà H trả số tiền 155.000.000 đồng thì anh không đồng ý.

Tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Long M đã tuyên xử như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Ngọc Đ đối với bị đơn Phan Thị Thu H, Lê Văn L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Ngọc Đ đối với bị đơn Phan Thị Thu H, Lê Văn L.

3. Buộc bị đơn Phan Thị Thu H, Lê Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Phạm Ngọc Đ số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án; quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, bị đơn bà Phan Thị Thu H, anh Lê Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H và anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem lại số tiền 158 triệu đồng cần trừ tiền hốt hụi, còn lại bao nhiêu bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Lê Văn L và bà Phan Thị Thu H kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về số tiền vay: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền hai lần vay là 188.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định, có cung cấp biên nhận nợ có chữ ký của bị đơn và được các bị đơn thừa nhận có ký tên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận bị đơn bà H và anh L có trả được 33.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu bị đơn cùng liên đới trả số tiền 155.000.000 đồng còn lại, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn.

Bị đơn cho rằng không có vay tiền của chị Đ. Số tiền trong biên nhận nợ mà chị Đ cung cấp là của chị Đ yêu cầu bà H, anh L ký để chị Đ chơi hụi dùm cho anh L. Tuy nhiên, chị Đ không thừa nhận là có tham gia chơi hụi dùm anh L. Bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chơi hụi của mình. Đồng thời, xét nội dung các tờ biên nhận thể hiện: tại biên nhận nợ ngày 04/6/2020 (âm lịch) thể hiện nội dung “Cô Phan Thị Thu H và anh Lê Hoàng L có hụi của Phạm Ngọc Đ 158.000.000 đồng” và biên nhận nợ ngày 04/6/2020 (âm lịch) thể hiện

“Cô Phan Thị Thu H và anh Lê Hoàng L có hỏi của Phạm Ngọc Đ 30.000.000 đồng”, các biên nhận này anh L và bà H đều có ký tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị đơn vẫn cho rằng số tiền 158 triệu đồng là tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn chơi hụi để trừ nợ (số tiền 50 triệu đồng), nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của các bị đơn.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn bà Phan Thị Thu H và anh Lê Văn L liên đới trả số tiền vay còn nợ 155.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn phải chịu theo quy định mỗi người là 300.000 đồng. Bà H, anh L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Thu H và anh Lê Văn L (Lê Hoàng L). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Ngọc Đ đối với bị đơn bà Phan Thị Thu H, anh Lê Văn L (Lê Hoàng L).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Ngọc Đ đối với bị đơn bà Phan Thị Thu H, anh Lê Văn L (Lê Hoàng L).

3. Buộc bị đơn bà Phan Thị Thu H, anh Lê Văn L (Lê Hoàng L) có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn chị Phạm Ngọc Đ số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phan Thị Thu H và anh Lê Văn L (Lê Hoàng L) cùng phải chịu số tiền án phí là 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn chị Phạm Ngọc Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005311, lập ngày 04/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long M, tỉnh Hậu Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị Thu H, anh Lê Văn L (Lê Hoàng L) mỗi người phải chịu 300.000đồng. Chuyển tiền tạm ứng 300.000đồng bà H, anh L đã nộp theo biên lai thu số 0004278; 0004279 ngày 06/6/2022 của Chi cục THADS thị xã Long M thành án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 20/12/2022

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long M, Hậu Giang;
- Chi cục THADS thị xã Long M, Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh